

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày 04-4-2022
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con, chia
tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Trang Phụng;

Ông Nguyễn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C . (xin vắng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T: Luật sư Hồng Ngọc A, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu;

Địa chỉ: 287 T, khóm 5, phường 9, thành phố C . (vắng).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1984 là đồng thời có yêu cầu phản tố (xin vắng);

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L (mẹ ruột anh P, vắng);

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..

2. Bà Trần Thị H (mẹ ruột chị T, vắng), sinh năm 1943;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..

3. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - PGD huyện Năm Căn (có đơn xin vắng);

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1954 (có yêu cầu độc lập, xin vắng);

Địa chỉ: ấp Cây Thơ, xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

5. Ông Nguyễn Văn Th (vắng);

Địa chỉ: ấp Tắc Năm Căn A, xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

6. Bà Lê Thị Tuyết Th (vắng);
Địa chỉ: ấp Tắc Năm Căn A, xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.
7. Bà Trần Thị T (vắng);
Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
8. Ông Phạm Văn H (vắng);
Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
9. Bà Phan Thái H (vắng);
Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
10. Ông Lê Văn L (vắng);
Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
11. Ông Trần Văn H (vắng);
Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
12. Ông Phạm Văn B (vắng);
Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
13. Ông Trần Văn T (vắng);
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
14. Ông Trần Văn Th (vắng);
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
15. Bà Nguyễn Thị T (vắng);
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
16. Ông Võ Văn Tòng (vắng);
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
17. Ông Võ Văn Bé (vắng);
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
18. Ông Võ Minh Tâm (vắng);
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
19. Bà Võ Thị Nhàn (vắng);
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
20. Ông Trần Quốc Việt (vắng);
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
21. Bà Nguyễn Thị Phụng (vắng);
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
22. Bà Nguyễn Hồng Nguyên (vắng);
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
23. Bà Trần Thị Kiên (vắng);
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
24. Ông Trần Văn Chín (vắng);
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
25. Bà Ngô Thị Dữ (vắng);
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
26. Ông Nguyễn Văn Gòn (vắng);
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
27. Ông Nguyễn Văn Cảnh (vắng);
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..
28. Ông Nguyễn Văn Mãi (vắng);
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..

29. Ông Nguyễn Trung Lập (vắng);

Địa chỉ: Ấp Tắc Năm Căn, xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

30. Ông Nguyễn Tấn Đạt (vắng);

Địa chỉ: Ấp Tắc Năm Căn, xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

31. Bà Phạm Thị Thơm (vắng);

Địa chỉ: Khóm 3, phường 7, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

32. Ông Nguyễn Văn Thế (vắng);

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..

33. Bà Trần Thị Thu (vắng);

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2020; đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/4/2021, bản tự khai ngày 22/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Phạm Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm 2004, sau thời gian tìm hiểu thì chị T và anh P tiến đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau ngày 03/9/2009.

Lý do xin ly hôn: Chị T cho rằng ban đầu hôn nhân hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường cự cãi, không tìm được tiếng nói chung với nhau, mỗi người tự làm tự lo chứ không chăm sóc nhau. Mâu thuẫn kéo dài nhưng không tìm được cách giải quyết, mặc dù gia đình thân tộc hai bên đã hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Suốt thời gian sống ly thân anh chị không có cách nào giải quyết mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn với anh P.

- Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Gia Hân (Nữ), sinh ngày 28/3/2006 và Nguyễn Hà My (Nữ), sinh ngày 04/01/2009. Hiện nay 02 người con đang sống với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu;

- Về tài sản chung và công nợ:

Ngày 29/4/2021, Tòa án thụ lý bổ sung yêu cầu chia tài sản chung, chị T yêu cầu cụ thể:

+ Yêu cầu chia quyền sử dụng đất diện tích 21.867,7m² tọa lạc ấp Cây Thờ, xã Đất Mới, huyện Năm Căn (nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Sanh vào năm 2008); giá trị 1.000.000.000 đồng; chị T yêu cầu nhận ½ giá trị tiền hoặc đất.

+ 01 xe Wave (hiện anh P quản lý), giá trị 10.000.000 đồng, yêu cầu nhận 5.000.000 đồng;

+ Tiền chơi hụi của ông Thới đóng được 28 lần x 02 chân = 56.000.000 đồng, chị T yêu cầu nhận 28.000.000 đồng; tiền chơi hụi bà Thờ, đóng được 35 lần, giao anh P hốt hụi, buộc anh P giao lại 17.500.000 đồng;

+ Nợ trả: Yêu cầu anh P cùng chịu trách nhiệm liên đới đối với các khoản, cụ thể: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam: 13.000.000 đồng; Tiền hụi chết nợ

ông Trọng 39.000.000 đồng; Mượn bà Hiền mua xe Vision là 02 chỉ vàng 24k;

Đến ngày 25/02/2022, chị T có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản và nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để anh chị tự thỏa thuận; đồng thời xin được xét xử vắng mặt.

** Tại văn bản ngày 28/01/2021, đơn yêu cầu ngày 16/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Nguyễn Văn P trình bày:*

- Về hôn nhân: Theo lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn là đúng. Trong khoảng thời gian vợ chồng chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm mọi mặt trong cuộc sống, dẫn đến không hạnh phúc. Gia đình thân tộc đã nhiều lần hòa giải nhưng không mang lại kết quả. Anh chị cũng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay nhưng không có cách hàn gắn hôn nhân. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh P đồng ý ly hôn vì duy trì cũng không hạnh phúc.

- Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Gia Hân (Nữ), sinh ngày 28/3/2006 và Nguyễn Hà My (Nữ), sinh ngày 04/01/2009. Hiện nay 02 người con đang sống với chị T, chị T đề nghị trực tiếp nuôi 02 con thì anh P đồng ý vì anh P không đủ điều kiện nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Không đặt ra.

- Về tài sản chung và công nợ:

Ngày 22/4/2021, Tòa án thụ lý bổ sung yêu cầu chia ½ tài sản, nợ thu và nợ trả theo yêu cầu của anh P, cụ thể:

+ 2,779 lượng vàng 18k (chị T quản lý);

+ 01 xe máy Vision chị T mua khi ly thân;

+ Tiền mua hui của bà Trần Thị Tiên: 20.000.000 đồng; tiền mua hui các tay em do chị T làm chủ hui: 35.000.000 đồng; bà Trần Thị Thu nợ hui 65.000.000 đồng;

+ Tiền của vợ chồng (chị T quản lý): 30.000.000 đồng;

+ Nợ thu các mối cân tôm, cua: 317.600.000 đồng (ông Phạm Văn Hiền: 4.000.000 đồng; bà Phan Thái Hằng: 7.000.000 đồng; ông Lê Văn Lắm: 5.000.000 đồng; ông Trần Văn Hùng: 5.400.000 đồng; ông Phạm Văn Bel: 8.500.000 đồng; ông Trần Văn Tài: 4.000.000 đồng; ông Trần Văn Thành: 9.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Tới: 2.000.000 đồng; ông Võ Văn Bé: 10.000.000 đồng; ông Võ Minh Tâm: 6.000.000 đồng; bà Võ Thị Nhân: 5.000.000 đồng; ông Trần Quốc Việt: 15.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Phụng: 2.500.000 đồng; bà Nguyễn Hồng Nguyên: 5.000.000 đồng; bà Trần Thị Kiên: 3.000.000 đồng; ông Trần Văn Chín: 3.400.000 đồng; bà Ngô Thị Dữ: 3.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn Gòn: 3.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn Cảnh: 6.300.000 đồng; ông Nguyễn Văn Mãi: 500.000 đồng; ông Nguyễn Trung Lập: 15.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn Thế: 8.000.000 đồng); nợ thu của ông Nguyễn Tấn Đạt là tiền vay 50.000.000 đồng, bà Phạm Thị Thơm vay 100.000.000 đồng.

+ Nợ trả Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – PGD huyện Năm Căn: 13.000.000 đồng.

Ngày 25/02/2022, anh P có đơn rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản và nợ thu nợ trả để anh chị tự thỏa thuận với nhau; đồng thời xin được xét xử vắng mặt.

** Ngày 31/3/2022, Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Cà Mau, phòng giao dịch huyện Năm Căn có văn bản trình bày không đặt ra yêu cầu thu hồi nợ đối với món vay do anh Nguyễn Văn P đứng tên vay vốn mà để lại cho anh P*

tiếp tục sử dụng vốn và trả nợ khi đến hạn; đồng thời Ngân hàng xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Ngày 30/6/2021, Tòa án thụ lý vụ án bổ sung do ông Phạm Văn Trọng khởi kiện độc lập yêu cầu vợ chồng chị T, anh P có trách nhiệm trả tiền hui còn nợ là 39.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 25/02/2022, ông Trọng có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập do chị T và anh P đã thỏa thuận xong khoản tiền hui nợ nên ông Trọng không yêu cầu Tòa án giải quyết; đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Chị Phạm Thị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn với anh Nguyễn Văn P, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Chị T, anh P, ông Trọng, Ngân hàng chính sách xã hội có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc nên không thể tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2 không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Hồ sơ vụ án thể hiện, năm 2004, chị T và anh P tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào ngày 03/9/2009, tại Giấy chứng nhận kết hôn số 99. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị T và anh P được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Chị T và anh P đều xác định hôn nhân xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm kéo dài dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn với anh P thì anh P đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị T với anh P đã đến mức trầm trọng, bởi lẽ vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ nhiều năm qua mà không tìm ra cách khắc phục bất đồng; anh chị không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc nhau mà mỗi người chỉ biết bỏn phận người đó, bỏ mặc người khác muốn sống ra sao thì sống, đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần mà không được, chị T và anh P đã sống ly thân từ 02 năm nay mà vẫn tiếp tục sống ly thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T cho ly hôn giữa chị T với anh P theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về nuôi con chung: Anh chị có 02 người con tên Nguyễn Gia Hân (Nữ), sinh ngày 28/3/2006 và Nguyễn Hà My (Nữ), sinh ngày 04/01/2009. Hiện nay 02 người con đang sống với chị T. Khi ly hôn, hai đương sự thỏa thuận giao chị T trực tiếp nuôi 02 con. Tòa án cũng đã ghi nhận nguyện vọng của 02 con, mặc dù cháu Hà My có nguyện vọng sống với cha; tuy nhiên do điều kiện kinh tế của anh P không đảm bảo nuôi dưỡng con nên anh P giao chị T nuôi dưỡng cả 02 con. Hội đồng xét xử xét thấy do 02 con đang được chị T nuôi dưỡng vẫn đảm bảo mọi mặt

cuộc sống nên quyết định giao Gia Hân và Hà My để chị T trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về chia tài sản chung, nợ thu và nợ trả:

Do nguyên đơn - chị T rút yêu cầu chia tài sản, nợ thu và nợ trả khi ly hôn; bị đơn - anh P cũng rút yêu cầu về chia tài sản, nợ thu và nợ trả; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập – ông Trọng rút yêu cầu độc lập. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự mà không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của các đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đương sự tự nguyện rút đơn khởi kiện nên được khởi kiện lại vụ án theo quy định pháp luật.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không đặt ra yêu cầu độc lập đối với số tiền vay 13.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Ngân hàng có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

- Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch, nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ngày 25/12/2020, chị T dự nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0007525 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được khấu trừ.

+ Ngày 28/4/2021, chị T dự nộp 13.010.000 đồng (án phí chia tài sản) tại Biên lai thu tiền số 0007664 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

+ Ngày 22/4/2021 anh P dự nộp 6.408.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0007657 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

+ Ông Trọng thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí đã được miễn dự nộp tạm ứng án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 147; Điều 217; điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T với anh Nguyễn Văn P.

- Về nuôi con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Gia Hân (Nữ), sinh ngày 28/3/2006 và Nguyễn Hà My (Nữ), sinh ngày 04/01/2009 để chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản, nợ thu và nợ trả:

+ Đình chỉ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, nợ thu và nợ trả của chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn P.

+ Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn Trọng về việc yêu cầu chị T và anh P thanh toán tiền hụi còn nợ là 39.000.000 đồng.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng chị Phạm Thị T chịu. Ngày 25/12/2020, chị T dự nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0007525 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được khấu trừ.

+ Chị Phạm Thị T được nhận lại 13.010.000 đồng đã dự nộp tại Biên lai thu tiền số 0007664 ngày 28/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

+ Anh Nguyễn Văn P được nhận lại 6.408.000 đồng đã dự nộp tại Biên lai thu tiền số 0007657 ngày 22/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án, vắng mặt tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Đất Mũi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thùy Linh